| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ MỸ THO**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **23**/2020/KDTM-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

*Các Hội thẩm nhân nhân dân*:

1. Bà Lê Thị Minh Thắm.

2. Bà Phan Thị Đẹp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP V**;

Địa chỉ: Đường L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Q (Theo văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

Địa chỉ: Đường C, phường T, quận B, thành phố H.

Ông Đỗ Thành T ủy quyền cho ông Phan Thế V (Theo văn bản ủy quyền số 23744/2020/UQ-PGĐ ngày 22/4/2020).

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Một thành viên I**;

Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đắc T – Giám đốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Nguyễn Thị Thanh M**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

(Có mặt anh V, chị M, vắng mặt ông T)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

* Tại đơn khởi kiện ngày 06/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng) trình bày:

Ngày 15/8/2018, Công ty TNHH Một thành viên I (Công ty) có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP V (theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/LAN/18/0072/HĐHM và khế ước nhận nợ lần 01/số SME/LAN/18/0072/HĐHM-01) vay số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn là 06 tháng (từ 15/8/2018 đến 15/02/2019), thỏa thuận lãi suất trong hạn là 24,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 01 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và các chi phí khác khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh hoạt động in ấn.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 86.881.630 đồng. Từ ngày 15/02/2019, số nợ chuyển sang quá hạn. Công ty đã trả số tiền lãi quá hạn là 59.416.741 đồng. Từ ngày 02/7/2019, Công ty ngưng trả lãi cho đến nay. Công ty không trả được số tiền vốn nào. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, đôn đốc yêu cầu Công ty trả nợ cho Ngân hàng nhưng đến nay Công ty vẫn chưa thực hiện.

Do đó, Ngân hàng TMCP V yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên I trả số tiền 1.028.489.706 đồng (trong đó nợ gốc quá hạn là 800.000.000 đồng, nợ lãi là 217.091.218 đồng và phí phạt chậm trả là 11.398.488 đồng, tạm tính đến ngày 05/12/2019) và tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 06/12/2019 cho đến khi trả hết nợ.

Nếu Công ty không trả được nợ thì chị Nguyễn Thị Thanh M có trách nhiệm trả số tiền nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh số SME/LAN/18/0072/HĐBL-01 ngày 15/8/2018.

* Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên I đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản khai ngày 16/10/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Thanh M trình bày: Ngày 15/8/2018, chị có ký hợp đồng bảo lãnh số SME/LAN/18/0072/HĐBL-01, bên được bảo lãnh là Công ty TNHH Một thành viên I, bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP V, phạm vi bảo lãnh là toàn bộ nghĩa vụ của Công ty đối với Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/LAN/18/0072/HĐHM. Chị đồng ý trả toàn bộ số nợ nếu Công ty không trả được nợ cho Ngân hàng.

* Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phan Thế V trình bày: Ngân hàng yêu cầu Công ty phải trả số tiền vốn vay còn nợ là 800.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 13.944.671 đồng, số tiền lãi quá hạn là 396.356.410 đồng, phí phạt chậm trả là 30.809.460 đồng, tổng cộng là

1.241.110.541 đồng (tạm tính đến ngày 14/8/2020) và tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 15/8/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Chị M vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn Công ty TNHH Một thành viên I đã được triệu tập và tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do hai lần tại phiên xét xử nên đã vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V căn cứ vào hợp đồng vay hạn mức, khế ước nhận nợ và hợp đồng bảo lãnh để khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên I trả số tiền vốn và lãi còn nợ, nếu Công ty không không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì chị Nguyễn Thị Thanh M có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng. Công ty vay tiền với mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng bão lãnh được quy định tại khoản 16 Điều 4, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 335 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Ngân hàng TMCP V khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên I theo địa chỉ ghi trong hợp đồng. Công ty TNHH Một thành viên I không thông báo cho Ngân hàng biết về nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, theo hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với Công ty nhưng Công ty vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với Công ty.

[3] *Về yêu cầu Công ty trả tiền vốn vay và tiền lãi của Ngân hàng*

Xét hợp đồng cho vay hạn mức và khế ước nhận nợ ngày 15/8/2018 giữa Công ty TNHH Một thành viên I và Ngân hàng TMCP V thể hiện Công ty có vay

của Ngân hàng số tiền là 800.000.000 đồng, thời hạn là 06 tháng (từ 15/8/2018 đến 15/02/2019), thỏa thuận lãi suất trong hạn là 24,4%/năm, lãi suất điều chỉnh 01 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và các chi phí khác khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh hoạt động in ấn.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì Công ty phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh số tiền đã vay hoặc cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Công ty không đến Tòa án cung cấp chứng cứ về hợp đồng và số tiền nợ Ngân hàng nên xem như mặc nhiên thừa nhận số nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, số nợ chuyển sang quá hạn từ ngày 15/02/2019 và Công ty ngưng trả lãi vào ngày 02/7/2020 nên Công ty đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ theo quy định tại các Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] *Về yêu cầu bảo lãnh*: Xét hợp đồng bảo lãnh số SME/LAN/18/0072/HĐBL-01 ngày 15/8/202 giữa bên bảo lãnh là chị Nguyễn Thị Thanh M và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng, chị M đã bảo lãnh thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nếu bên được bảo lãnh là Công ty nếu Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/LAN/18/0072/HĐHM. Chị M đồng ý thực hiện theo hợp đồng bảo lãnh đã ký. Nên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, chị Nguyễn Thị Thanh M có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng nếu Công ty không không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo các Điều 336, 339, 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Công ty TNHH Một thành viên I phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 40 và điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 335, Điều 336, Điều 339 và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 4, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V.

2. Buộc Công ty TNHH Một thành viên I phải trả số tiền vốn vay còn nợ là 800.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn còn nợ là 13.944.671 đồng, số tiền lãi quá hạn là 396.356.410 đồng, phí phạt chậm trả là 30.809.460 đồng, tổng cộng là 1.241.110.541 (một tỷ hai trăm bốn mươi mốt triệu một trăm mười ngàn năm trăm bốn mươi mốt) đồng (tạm tính đến ngày 14/8/2020).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu Công ty không không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì chị Nguyễn Thị Thanh M có trách nhiệm trả số tiền nêu trên cho Ngân hàng.

3. Về án phí: Công ty TNHH Một thành viên I phải chịu 49.233.316,2 (bốn mươi chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn ba trăm mười sáu phẩy hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.929.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000488 ngày 30/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Huyền Ni**